

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HS - ST
Ngày 04/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Trần Gia Phụng

2/Bà Sa Thị Hải Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Chu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2024/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31A/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2004/HSST - QĐ ngày 15/5/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2004/TB – TA ngày 23/5/2004 đối với các bị cáo:

1. Cao Minh S, sinh ngày 15/8/1956 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu B, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn D (đã chết) và bà: Phạm Thị C (đã chết); vợ: Nguyễn Thị T; sinh năm 1959; con: Có 03 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1986;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã V.

2. Đặng Quang T1, sinh ngày 14/3/2005 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu B, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Đình T2, sinh năm 1978 và bà: Lê Phương H, sinh năm 1982; vợ, con: Không có

-Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích theo quyết định xử lý vi phạm hành chính số 98 ngày 27/4/2022 của Công an huyện L.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã B.

3. Trần Tuấn A, sinh ngày 19/11/1989 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân Đ, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959; vợ: Cao Thị Y; sinh năm 1996; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2016 nhỏ sinh năm 2019;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã B.

4. Nguyễn Năng T3, sinh ngày 05/01/1975 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu B, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quốc T4, đã chết và bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1940; vợ: Lê Thị S1; sinh năm 1976; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã V.

5. Nguyễn Ngọc C2, sinh ngày 15/01/1979 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T5, đã chết và bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1949; vợ: Vợ: Lương Thị Kim L2; sinh năm 1988; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã B.

6. Nguyễn Duy M, sinh ngày 02/9/1982 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy Q, sinh năm 1960 và bà: Đỗ Thị V1, sinh năm: 1961; vợ: Dương Thị Minh P; sinh năm 1985; con: Có 01 con, sinh năm 2014;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã V.

7. Nguyễn Duy D1, sinh ngày 10/8/1991 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy B, sinh năm 1963 và bà: Đặng Thị A1, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị T6; sinh năm 1996; con: Có 01 con, sinh năm 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị cáo ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã B.

8. Nguyễn Xuân D2, sinh ngày 09/5/1982 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu G, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1948 và bà: Chử Thị G, sinh năm: 1952; vợ, con: Không có

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã P.

9. Hán Văn Đ2, sinh ngày 02/01/1983 tại huyện L tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu A, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hán Văn M1, sinh năm 1962 và bà: Trần Thị H1, sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thị V2; sinh năm 1983; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 12/12/2023, khởi tố bị can ngày 16/12/2023 và ra lệnh C1 đi khỏi nơi cư trú tại xã B.

(Các bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 12/12/2023, Nguyễn Ngọc C2, sinh năm 1979, Hán Văn Đ2, sinh năm 1983, Trần Tuấn A, sinh năm 1989, Nguyễn Duy D1, sinh năm 1991, Đặng Quang T1, sinh năm 2005, tất cả đều thường trú tại xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Năng T3, sinh năm 1975, Nguyễn Duy M, sinh năm 1982, đều thường trú tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Xuân D2, sinh năm 1982, ở xã P, huyện L cùng đến nhà của Cao Minh S, sinh năm 1956, thường trú tại khu B xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Đây là nhà ở S mượn của anh Phạm Thanh X, sinh năm 1970, ở khu B - V - L - Phú Thọ làm nơi để hàng hóa. Tại đây, C2, Đ2, A, D1, T3, M, D2 và S cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng thắng thua bằng tiền ngân hàng N1 đang lưu hành. Các đối tượng thống nhất mỗi người nộp cho Cao Minh S số tiền 100.000VNĐ để đánh bạc tại nhà của S. S thu của 07 đối tượng được số tiền 700.000VNĐ, sau đó S lấy ra 01 tấm xốp ghép từ 06 mảnh xốp trải tại nền nhà gian buồng ngủ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để các đối tượng đánh bạc. S sử dụng thêm số tiền 300.000VNĐ của mình cùng với số tiền 700.000VNĐ mà các đối tượng vừa nộp để cùng đánh bạc với C2, Đ2, A, D1, T3, M, D2.

Đặng Quang T1 không tham gia đánh bạc, T1 ngồi xem các đối tượng đánh bạc và mang theo số tiền 15.000.000VNĐ với mục đích nếu có ai cần vay tiền để đánh bạc sẽ cho vay. Quá trình đánh bạc, Nguyễn Ngọc C2 hỏi vay của T1 số tiền 2.000.000VNĐ, Trần Tuấn A hỏi vay của T1 số tiền 6.000.000VNĐ để đánh bạc. T1 đồng ý và cho C2 vay số tiền 2.000.000VNĐ, cho Tuấn A vay số tiền 6.000.000VNĐ. T1 không yêu cầu C2 và Tuấn A trả lãi. Khi vay, Tuấn A nói nếu đánh bạc xong mà Tuấn A thắng thì Tuấn A sẽ cho T1 300.000VNĐ. Số tiền 7.000.000VNĐ mang theo còn lại T1 cất trong người nếu có ai vay tiếp để đánh bạc T1 sẽ cho vay.

Cách thức đánh bạc của các bị cáo dưới hình thức chơi Liêng như sau:

Các bị cáo sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài. Khi chơi, một người chia đều cho mỗi người 03 quân bài. Sau đó mỗi người chơi bỏ ra 50.000VNĐ để đặt cược (tiền “gà”).

Sau khi tất cả người chơi đặt tiền cược xong, người chia bài là người được quyền “tố” (đặt thêm mức tiền cược cho ván chơi) trước. Mức tiền “tố” tối thiểu 50.000VNĐ, tối đa không quy định.

Nếu người chia bài không “tố” thì coi như thua và lần lượt những người chơi còn lại tính từ phải qua trái người chia bài được quyền “tố”. Sau khi người cầm cái “tố”, những người chơi còn lại xem bài và xác định theo “tố” hay không theo “tố”. Nếu không ai “tố” thì người ngồi vị trí cuối cùng thắng ván bài đó và được hưởng toàn bộ tiền “gà”.

Người chơi không “tố” hoặc ngừng “tố”, không được so điểm với những người chơi đã “tố”, tiếp tục “tố” và bị thua ván bài đó, mất số tiền đã đặt “gà”, đã “tố”.

Người chơi theo “tố” phải “tố” số tiền tương ứng hoặc lớn hơn mức tiền “tố” của người “tố” trước.

Sau khi “tố” xong, người “tố” theo sẽ mở bài, so bài của mình với bài của những người chơi theo “tố” còn lại. Người có bài cao nhất là người thắng và được hưởng toàn bộ số tiền “gà” và số tiền những người chơi tham gia “tố” trong ván bài. Cách tính bài từ cao xuống thấp, bài thắng như sau:

- “Sáp”: 03 lá bài cùng số hoặc cùng chữ. Nếu nhiều người chơi có bài “sáp”, bài “sáp” quân bài cao hơn thắng. Q1 bài theo thứ tự từ cao xuống thấp là “A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2”;

- “Liêng”: 03 lá bài có số hoặc chữ liên tiếp, liên kề nhau. Nếu nhiều người chơi cùng có “liêng”, bài “liêng” có quân bài cao hơn thắng. Q1 bài theo thứ tự từ cao xuống thấp là “A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2”. Nếu nhiều người chơi có cùng “liêng” (tức là 03 quân bài “liêng” của nhiều người giống nhau về số, chữ nhưng khác về chất), bài “liêng” có chất cao hơn thắng. Chất được xác định từ cao đến thấp là “Rô ♦”, “Cơ ♥”, “Tép ♣”, “Bích ♠”. Nếu có nhiều bài cùng “liêng”, cùng có quân chất thì bài “liêng” có quân chất cao hơn thắng. Q1 chất từ cao đến thấp là “A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2”.

- “Ảnh”: 03 lá bài chỉ có các quân “J, Q, K”, một trong các quân “J, Q, K” phải lặp lại 02 lần. Nếu nhiều người chơi cùng có “ảnh”, bài “ảnh” có quân bài cao hơn thắng. Q1 bài “ảnh” theo thứ tự từ cao xuống thấp là “K”, “Q”, “J. Nếu nhiều người chơi có cùng “ảnh” (tức là có các quân “ảnh” giống nhau về chữ nhưng khác nhau về chất), bài “ảnh” có quân chất cao hơn thắng. Chất được xác định từ cao đến thấp là “Rô ♦”, “Cơ ♥”, “Tép ♣”, “Bích ♠”. Nếu có nhiều bài cùng “ảnh”, cùng có quân chất thì bài “ảnh” có quân chất cao hơn thắng. Q1 chất từ cao đến thấp là “A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2”.

- Điểm: là tổng điểm của 03 quân bài. Các quân bài “2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9” được tính với số điểm tương ứng là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; các quân bài “10, J, Q, K” được tính bằng 0 điểm; quân bài “A” tính bằng 1 điểm. Nếu tổng điểm của 03 quân bài lớn hơn 10, 20 thì điểm của bài là điểm hàng đơn vị (điểm của bài là tổng điểm trừ 10, 20). Thứ tự điểm từ cao xuống thấp tương ứng thứ tự từ 9-0 (9 là điểm cao

nhất, 0 là điểm thấp nhất). Người có bài điểm cao hơn thắng. Nếu nhiều người chơi có bài bằng điểm nhau, bài có chất cao hơn thắng. Chất được xác định từ cao đến thấp là “Rô ♦”, “Cơ ♥”, “Tép ♣”, “Bích ♠”. Nếu nhiều bài có cùng điểm, cùng có quân chất thì bài có quân chất cao hơn thắng. Q1 chất từ cao đến thấp là “A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2”.

Thứ tự bài cao nhất, từ cao xuống thấp là “sáp”, “liêng”, “ảnh”, bài có điểm cao nhất. Người chơi có bài cao nhất thắng ván bài, là người chia bài và được quyền “tổ” trước ván tiếp theo.

Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 00 giờ 30 phút ngày 13/12/2023 thì bị Công an huyện lâm T phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ số tiền dùng để đánh bạc như sau: Thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Xuân D2 số tiền 8.900.000VNĐ. D2 khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Hán Văn Đ2 số tiền 14.250.000VNĐ. Đ2 khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Trần Tuấn A số tiền 4.900.000VNĐ. Anh khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Duy M số tiền 4.800.000VNĐ. M khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Duy D1 số tiền 1.100.000VNĐ. D1 khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Thu giữ trên tay của Cao Minh S số tiền 150.000VNĐ. S khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Kiểm tra người của Đặng Quang T1 phát hiện thu giữ số tiền 7.000.000VNĐ.

Tại vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Ngọc C2 và Nguyễn Năng T3 không có tiền. Kiểm tra người của những người có tên trên không phát hiện thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ:

- 52 quân bài tứ lơ khơ đã qua sử dụng; 01 thảm được ghép từ 06 miếng xốp có kích thước 60cm x 60cm, đã qua sử dụng; 06 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng; 34 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 04 chai nước lọc nhãn hiệu “Lavie”, thể tích 500ml, chưa qua sử dụng; 03 bao thuốc lá nhãn hiệu “Thăng Long”, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận về số tiền sử dụng để đánh bạc, sẽ dùng để đánh bạc như sau:

- Cao Minh S sử dụng 1.000.000VNĐ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí đánh bạc có 150.000VNĐ. Thua bạc 850.000VNĐ.

- Nguyễn Ngọc C2 sử dụng số tiền 11.000.000VNĐ, C2 nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại 10.900.000VNĐ C2 dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc vay thêm của Đặng Quang T1 2.000.000VNĐ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, C2 thua hết số tiền 12.900.000VNĐ.

- Trần Tuấn A sử dụng số tiền 6.000.000 VNĐ vay của Đặng Quang T1 để đánh bạc, Tuấn A nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại 5.900.000VNĐ dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, có số tiền 4.900.000VNĐ tại chiếu bạc. Tuấn A thua bạc 1.000.000VNĐ.

- Hán Văn Đ2 sử dụng số tiền 2.700.000VNĐ để đánh bạc, Đông nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại 2.600.000VNĐ dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí đánh bạc có 14.250.000VNĐ. Đông thắng bạc 11.650.000VNĐ.

- Nguyễn Xuân D2 sử dụng số tiền 4.000.000VNĐ để đánh bạc, Diên nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại 3.900.000VNĐ dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí đánh bạc có 8.900.000VNĐ. Diên thắng bạc 5.000.000VNĐ.

- Nguyễn Duy D1 sử dụng số tiền 1.100.000VNĐ để đánh bạc, D1 nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại 1.000.000VNĐ dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí đánh bạc có 1.100.000VNĐ. D1 thắng bạc 100.000VNĐ.

- Nguyễn Năng T3 sử dụng số tiền 3.000.000VNĐ để đánh bạc, T3 nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T3 hua hết số tiền 2.900.000VNĐ.

- Nguyễn Duy M sử dụng số tiền 4.000.000VNĐ để đánh bạc, M nộp 100.000VNĐ cho Cao Minh S, còn lại 3.900.000VNĐ dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí đánh bạc có 4.800.000VNĐ. M thắng bạc 900.000VNĐ.

- Đặng Quang T1 không tham gia đánh bạc, khi đến nơi đánh bạc T1 mang theo 15.000.000VNĐ ngồi xem các đối tượng đánh bạc và nếu có ai vay tiền để đánh bạc sẽ cho vay. T1 đã cho C2 vay 2.000.000VNĐ, cho Tuấn A vay 6.000.000VNĐ để đánh bạc. Số tiền 7.000.000VNĐ T1 cất trong người mục đích nếu ai vay sẽ cho vay để đánh bạc.

Quá trình các bị cáo đánh bạc còn có Cao Trung N, sinh năm 1985, ở khu B xã V huyện L, tỉnh Phú Thọ và Hoàng Quang Q2, sinh năm 1990, ở khu F xã P huyện L, tỉnh Phú Thọ đến ngồi xem các đối tượng đánh bạc.

Như vậy xác định tổng số tiền Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Cao Minh S và Nguyễn Xuân D2 đang sử dụng để đánh bạc là 34.100.000VNĐ. (trong đó có số tiền 8.000.000đ T1 cho Tuấn A và C2 vay). Số tiền Đặng Quang T1 sẽ sử dụng để cho các bị can vay để đánh bạc khi có nhu cầu là 7.000.000VNĐ. Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc và sẽ dùng để đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự là 41.100.000VNĐ trong đó Đặng Quang T1 phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho các bị cáo đánh bạc. Cao Minh S là người quản lý căn nhà cho các bị cáo dùng làm nơi đánh bạc thu tiền hồ 700.000VNĐ, S còn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Gá bạc theo quy định của Pháp luật.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng, đồ vật tài sản bị tạm giữ trong vụ án:

- 41.100.000VNĐ (*Bốn một triệu một trăm nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng để đánh bạc và sẽ sử dụng để đánh bạc là vật chứng của vụ án được gửi vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện L tại K huyện L;

- 52 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm được ghép từ 06 miếng xốp có kích thước 60cm x 60cm, đã qua sử dụng; 06 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng; 34 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 04 chai nước lọc nhãn hiệu “Lavie”, thể tích 500ml, chưa qua sử dụng; 03 bao thuốc lá nhãn hiệu “Thăng Long”, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện L.

Trong vụ án này, anh Phạm Thanh X là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc, tuy nhiên căn nhà này anh X đã cho bị cáo Cao Minh S mượn làm nơi để hàng hóa, anh X không biết bị cáo Cao Minh S sử dụng nhà ở để đánh bạc cùng với những người khác, không được hưởng lợi ích gì. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý.

Đối với Cao Trung N và Hoàng Quang Q2 không tham gia đánh bạc, cũng không có hành động, cử chỉ, lời nói giúp sức cho các bị can đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý.

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo: Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Duy M có tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 6, diện tích 120m² ở khu 12, Vĩnh Lại, L, các bị khác đều không có tài sản riêng có giá trị.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT - VKSLT ngày 02/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã truy tố Cao Minh S về tội Đánh bạc và tội Gá bạc theo quy định tại khoản 1 điều 321; điểm c khoản 1 điều 322 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321; điểm c khoản 1 điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự (đối với S); khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự (đối với Đ2, C2); khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với A, D1, T3, M, D2, T1); điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử phạt các bị cáo:

Xử phạt:

- Bị cáo Cao Minh S từ 07 đến 09 tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (Từ ngày 12/12/2023 đến ngày 16/12/2023), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án; phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng về tội: “Gá bạc”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Cao Minh S

- Bị cáo Nguyễn Ngọc C2 từ 24 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Ngọc C2

- Bị cáo Trần Tuấn A từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Các bị cáo Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Nguyễn Năng T3 mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Hán Văn Đ2 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Duy D1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Đặng Quang T1 từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 vì các bị cáo không có thu nhập ổn định. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1.

Áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý vật chứng và án phí.

Trước khi tuyên án, cho các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Các bị cáo Cao Minh S, Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho các bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2] Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng từ 23h giờ ngày 12/12/2023 đến 0 giờ 30 phút ngày 13/12/2023, tại nhà anh Phạm Thanh X, ở khu B, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ đang thuộc quyền quản lý của Cao Minh S, S đã thu tiền hồ của Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2 tổng số tiền 700.000VNĐ để cho các đối tượng dùng làm địa điểm đánh bạc được thua bằng tiền. Cao Minh S cùng tham gia đánh bạc với các đối tượng trên với tổng số tiền dùng để đánh bạc bị cơ quan Công an phát hiện thu giữ là 34.100.000VNĐ. Đặng Quang T1 là đối tượng đã cho Trần Tuấn A, Nguyễn Ngọc C2 vay số tiền 8.000.000VNĐ để đánh bạc, còn lại 7.000.000VNĐ T1 sẽ cho các đối tượng vay để đánh bạc khi có nhu cầu. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự là 41.100.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố bị cáo Cao Minh S về tội Đánh bạc và tội Gá bạc theo quy định tại khoản 1 điều 321; điểm c khoản 1 điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang

T1 về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điều 322 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c. Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên”

Vụ án tuy thuộc loại tội ít nghiêm trọng, song hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, năng lực hành vi để nhận thức được hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng”, sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật gây mất trật tự công cộng, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế hạnh phúc gia đình nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu sài không phải lao động nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội, vì vậy cần phải đưa ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vụ án mang tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, trước khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với Cao Minh S: Về tội Đánh bạc và tội Gá bạc bị cáo đều không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả hai tội bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố để tham gia kháng chiến chống Pháp được hưởng chế độ trợ cấp một lần, đồng thời bị cáo đã nộp ủng hộ quỹ vì người nghèo của UBND xã V, huyện L số tiền 2.000.000 đồng nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo về tội Gá bạc cũng đủ mang tính răn đe và giáo dục bị cáo. Bị cáo S là người khởi xướng, lôi kéo và đã tạo điều kiện cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc ăn tiền một cách tích cực nên về tội Đánh bạc cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Cao Minh S.

Đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2 đều không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo Chung là hộ nghèo, bị cáo Đ2 là hộ cận nghèo nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù các bị cáo Chung và Đ2 đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo C2 sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo Đ2 nên mức hình phạt của bị cáo Chung sẽ cao hơn so với bị cáo Đ2.

Đối với các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2 đều chưa có tiền án, tiền sự không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo D1 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên hình phạt của bị cáo D1 sẽ thấp hơn so với các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Đặng Quang T1 không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích theo quyết định xử lý vi phạm hành chính số 98 ngày 27/4/2022 của Công an huyện L. Xét thấy mặc dù bị cáo có nhân thân xấu, tuy nhiên bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò là đồng phạm, không trực tiếp tham gia đánh bạc nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhân thân xấu, số tiền bị cáo dùng để cho bị cáo Tuấn A, C2 vay để đánh bạc sẽ cho vay để đánh bạc nhiều nhất nên phải chịu mức án cao hơn các bị cáo A, T3, M và D2.

Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự là cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 đều không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 qua xác minh và thẩm vấn công khai tại phiên tòa các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 41.100.000 đồng (Bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng), là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào đánh bạc.

Đối với 52 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm được ghép từ 06 miếng xốp có kích thước 60cm x 60cm, đã cũ, đã qua sử dụng; 06 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng; 34 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 04 chai nước lọc nhãn hiệu “Lavie”, thể tích 500ml, chưa qua sử dụng; 03 bao thuốc lá nhãn hiệu “Thăng Long”, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024).

[3] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Phạm Thanh X là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc, tuy nhiên căn nhà này anh X đã cho bị cáo Cao Minh S mượn làm nơi đề hàng hóa, anh X không biết bị cáo Cao Minh S sử dụng nhà ở để đánh bạc cùng với những người khác, không được hưởng lợi ích gì. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Cao Trung N và Hoàng Quang Q2 không tham gia đánh bạc, cũng không có hành động, cử chỉ, lời nói giúp sức cho các bị can đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 điều 322; Điều 35; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Minh S.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hán Văn Đ2, Nguyễn Ngọc C2.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo Cao Minh S phạm tội: “Đánh bạc” và phạm tội: “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt:

- Bị cáo Cao Minh S 06 (S1) tháng tù về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (Từ ngày 12/12/2023 đến ngày 16/12/2023), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án; xử phạt bị cáo Cao Minh S 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) về tội “Gá bạc”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Cao Minh S.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc C2 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 23 (Hai mươi ba) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

- Bị cáo Hán Văn Đ2 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 11 (Mười một) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

- Bị cáo Trần Tuấn A 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi =

12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 17 (Mười bảy) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Duy D1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 08 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

- Các bị cáo Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M và Nguyễn Xuân D2 mỗi bị cáo 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại của mỗi bị cáo là 14 (Mười bốn) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với các bị cáo.

- Bị cáo Đặng Quang T1 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 04 ngày (12/12/2023 đến ngày 16/12/2023) quy đổi = 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 20 (Hai mươi) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; UBND xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ và UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ; UBND xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ và UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A,

Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 41.100.000 đồng (Bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng);

Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm được ghép từ 06 miếng xốp có kích thước 60cm x 60cm, đã cũ, đã qua sử dụng; 06 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng; 34 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng; 04 chai nước lọc nhãn hiệu “Lavie”, thể tích 500ml, chưa qua sử dụng; 03 bao thuốc lá nhãn hiệu “Thăng Long”, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024).

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Cao Minh S, Nguyễn Ngọc C2, Hán Văn Đ2, Trần Tuấn A, Nguyễn Duy D1, Nguyễn Năng T3, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân D2, Đặng Quang T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị TAND tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Cơ quan THAHS huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã P;
- UBND xã B;
- UBND xã V;
- Lưu HS – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên